

**UBND TỈNH PHÚ YÊN**  
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /SNN-PTNT

Phú Yên, ngày tháng 10 năm 2023

V/v đăng ký nhu cầu hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn năm 2023

Kính gửi: - UBND các huyện, thị xã, thành phố;  
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Phú Yên (địa chỉ: 04 Lê Lợi, P1, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên);  
- Hội Doanh nhân trẻ tỉnh Phú Yên (địa chỉ: 171 Hùng Vương, P5, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên).

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Thông tư số 52/2023/TT-BTC ngày 08/8/2023 về việc hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1358/QĐ-BKHĐT ngày 03/8/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Bộ công cụ đánh giá doanh nghiệp nhỏ và vừa tiềm năng tham gia chuỗi giá trị;

Căn cứ Công văn số 274/BKHĐT-PTDN ngày 12/01/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nguồn NSTW năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 822/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND tỉnh về Phân bổ ngân sách Trung ương hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 18/7/2022 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa /KH-UBND ngày 07/6/2023 của UBND tỉnh về phát triển hợp tác, liên

kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 270/QĐ-SNN ngày 18/7/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Triển khai Kế hoạch số 78/KH-SNN ngày 13/9/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) năm 2023. Trong đó, các nội dung dự kiến hỗ trợ cho DNNVV năm 2023 gồm:

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp siêu nhỏ (nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP).

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn, đánh giá toàn diện năng lực của DNNVV trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp (nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 25 Nghị định 80/2021/NĐ-CP).

Để kịp thời hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh năm 2023, Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố; các hội, hiệp hội doanh nghiệp tỉnh thông tin, tuyên truyền, phổ biến cho các DNNVV trên địa bàn biết và đăng ký nhu cầu hỗ trợ DNNVV năm 2023. Cụ thể như sau:

## 1. Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ của DNNVV

### a) Hồ sơ đề xuất đối với nội dung “Hỗ trợ tư vấn DNNVV”

Stt	Thành phần hồ sơ đề xuất hỗ trợ	Căn cứ pháp lý
<b>A</b>	<b>Hồ sơ bắt buộc</b>	
1	Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ ( <i>theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP</i> ) trong đó ghi rõ nội dung và mức ngân sách đề nghị được hỗ trợ, báo giá của bên cung cấp (nếu có).	khoản 1 Điều 5 và khoản 4 Điều 32 Nghị định 80/2021/NĐ-CP; điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT
2	- Đối với DN hoạt động từ 01 năm trở lên: Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính.  - Đối với DN hoạt động dưới 01 năm: Bảng cân đối kế toán của DN tại thời điểm cuối quý liền kề thời điểm DN đăng ký hưởng nội dung hỗ trợ.	Điều 8 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP; điểm a khoản 3 Điều 3 Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT

3	Danh sách lao động do DN đang sử dụng kèm theo chứng từ nộp bảo hiểm xã hội tương ứng. Đối với lao động do đơn vị khác đóng bảo hiểm xã hội, DN có văn bản xác nhận về việc lao động này đã được đóng bảo hiểm xã hội.	Điều 5 Nghị định 80/2021/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT
<b>B</b>	<b>Hồ sơ liên quan: Những tài liệu, nội dung liên quan đến hồ sơ đề xuất hỗ trợ (nếu có)</b>	điểm b khoản 4 Điều 32 Nghị định 80/2021/NĐ-CP; điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT
	<b>Ghi chú:</b> DN tự kê khai các nội dung trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai. Trường hợp DN cố ý kê khai không trung thực về các nội dung liên quan để được hưởng hỗ trợ thì DN phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và hoàn trả toàn bộ kinh phí đã nhận hỗ trợ.	Điều 10 Nghị định 80/2021/NĐ-CP

**b) Hồ sơ đề xuất đối với nội dung “Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị”**

Stt	Thành phần hồ sơ đề xuất hỗ trợ	Căn cứ pháp lý
<b>A</b>	<b>Hồ sơ bắt buộc</b>	
	Tài liệu xác định DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị sản xuất, chế biến.	Điều 24 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP; Điều 16, Điều 17 Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT
<b>1</b>	<b>Trường hợp hồ sơ đề xuất hỗ trợ cho DNNVV đã tham gia chuỗi giá trị, hồ sơ bao gồm:</b>	Điều 24 Nghị định 80/2021/NĐ-CP; Điều 17 Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT
1.1.	Tờ khai xác định DNNVV ( <i>theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP</i> ), trong đó ghi rõ nội dung và mức ngân sách đề nghị được hỗ trợ, báo giá của	Điều 5 và khoản 4 Điều 32 Nghị định 80/2021/NĐ-CP; điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư số 06/2022/TT-

	bên cung cấp (nếu có).	BKHĐT
1.2.	<p>- Đối với DN hoạt động từ 01 năm trở lên: Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính của năm liền kề thời điểm DN đăng ký hưởng nội dung hỗ trợ.</p> <p>- Đối với DN hoạt động dưới 01 năm: Bảng cân đối kế toán của DN tại thời điểm cuối quý liền kề thời điểm DN đăng ký hưởng nội dung hỗ trợ.</p>	Điều 8 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP; điểm a khoản 3 Điều 3 Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT
1.3.	Danh sách lao động do DN đang sử dụng kèm theo chứng từ nộp bảo hiểm xã hội tương ứng. Đối với lao động do đơn vị khác đóng bảo hiểm xã hội, DN có văn bản xác nhận về việc lao động này đã được đóng bảo hiểm xã hội.	Điều 5 Nghị định 80/2021/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT
1.4.	Tối thiểu 01 hợp đồng mua hoặc bán sản phẩm hoặc hợp tác, liên kết giữa DNNVV với DN đầu chuỗi.	điểm b khoản 2 Điều 17 Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT
<b>2</b>	<b>Trường hợp hồ sơ đề xuất hỗ trợ cho DNNVV có tiềm năng tham gia chuỗi giá trị, hồ sơ bao gồm:</b>	Điều 24 Nghị định 80/2021/NĐ-CP; Điều 17 Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT
	<p>- Hồ sơ bao gồm đầy đủ các nội dung tại mục 1.1, 1.2, 1.3 nêu trên.</p> <p>- DN sử dụng Bộ công cụ đánh giá DNNVV tiềm năng tham gia chuỗi giá trị (<i>theo mẫu được ban hành kèm theo Quyết định số 1358/QĐ-BKHĐT</i>): có xác nhận của DN đầu chuỗi về tiềm năng DNNVV trở thành nhà cung ứng cho DN đầu chuỗi (DN đầu chuỗi có xác nhận đối với kết quả đánh giá DNNVV tiềm năng tham gia chuỗi giá trị theo bộ công cụ này).</p>	Khoản 2 Điều 24 Nghị định 80/2021/NĐ-CP; điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 17 Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT
<b>B</b>	<b>Hồ sơ liên quan: Những tài liệu, nội dung liên quan đến hồ sơ đề xuất hỗ trợ (nếu có)</b>	điểm b khoản 4 Điều 32 Nghị định 80/2021/NĐ-CP; điểm b khoản 1 Điều 5 Thông

		tu số 06/2022/TT-BKHĐT
	<b>Ghi chú:</b> DN tự kê khai các nội dung trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai. Trường hợp DN cố ý kê khai không trung thực về các nội dung liên quan để được hưởng hỗ trợ thì DN phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và hoàn trả toàn bộ kinh phí đã nhận hỗ trợ.	Điều 10 Nghị định 80/2021/NĐ-CP

c) **DNNVV** có thể đề xuất nhiều nội dung hỗ trợ trong một hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ. Tại cùng một thời điểm với cùng một nội dung hỗ trợ, **DNNVV** chỉ được gửi đến một cơ quan, tổ chức hỗ trợ **DNNVV** (quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT).

**2. Về nguyên tắc thực hiện hỗ trợ:** Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ của **DNNVV** trên địa bàn hoặc các đơn vị, doanh nghiệp gửi hồ sơ trực tiếp về Sở Nông nghiệp và PTNT (địa chỉ 64 Lê Duẩn, P7, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên) trước 09h00 ngày 07/11/2023. Quá thời gian trên, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp không gửi hồ sơ đề xuất hoặc gửi trễ hạn thì xem như không có nhu cầu hỗ trợ/ hồ sơ không đạt yêu cầu.

Đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố, các hội, hiệp hội doanh nghiệp tỉnh quan tâm, phối hợp thực hiện./.

*\* Đính kèm: (1) Phụ lục 1: Tờ khai xác định doanh nghiệp được ban hành theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP; (2) Phụ lục 2: Bộ Công cụ đánh giá **DNNVV** tiềm năng tham gia chuỗi giá trị được ban hành kèm theo Quyết định số 1358/QĐ-BKHĐT; (3) các văn bản có liên quan.*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở KH và ĐT;
- GD Sở và các PGD Sở;
- Công TTĐT Sở;
- Lưu: VT, PTNT, Di, T.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đặng Thị Thủy**

**Phụ lục 1**

**TỜ KHAI XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP SIÊU NHỎ, DOANH NGHIỆP NHỎ, DOANH NGHIỆP VỪA VÀ ĐỀ XUẤT NHU CẦU HỖ TRỢ**  
(Mẫu được ban hành kèm theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ)

## 1. Thông tin chung về doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp: .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Loại hình doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Quận/huyện: ..... Tỉnh/thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

## 2. Thông tin xác định doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ:

Có vốn điều lệ do một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% trở lên:

 Có  Không

Tên người quản lý điều hành doanh nghiệp: .....

## 3. Thông tin về tiêu chí xác định quy mô doanh nghiệp:

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính: .....

Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm: .....

*Trong đó, số lao động nữ:* .....

Tổng nguồn vốn: .....

Tổng doanh thu năm trước liền kề: .....

## 4. Doanh nghiệp tự xác định thuộc quy mô (tích X vào ô tương ứng):

 Doanh nghiệp siêu nhỏ  Doanh nghiệp nhỏ  Doanh nghiệp vừa

## 5. Các nội dung đề xuất hỗ trợ (Doanh nghiệp lựa chọn một hoặc nhiều nội dung hỗ trợ):

 Hỗ trợ công nghệ: ..... Hỗ trợ tư vấn: ..... Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực: ..... Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh:  
..... Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo:  
..... Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị:

.....

**DOANH NGHIỆP CAM KẾT**

1. Về tính chính xác liên quan tới thông tin của doanh nghiệp.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)*

Hồ sơ kèm theo: .....

**Phụ lục 2****BỘ CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TIỀM NĂNG  
THAM GIA CHUỖI GIÁ TRỊ**

*(Mẫu được ban hành kèm theo Quyết định số 1358/QĐ-BKHĐT ngày 03/8/2023  
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

Bộ công cụ để thực hiện đánh giá, sàng lọc DNNVV thông qua phương pháp bảng hỏi và chấm điểm, cụ thể như sau:

**1. Hệ thống câu hỏi*****1.1. Lãnh đạo và quản trị***

- (1) - Triết lý kinh doanh của doanh nghiệp;
- (2) - Tâm nhìn, sứ mệnh của doanh nghiệp;
- (3) - Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp;
- (4) - Quy định về vai trò, nghĩa vụ và quyền hạn của người quản lý;
- (5) - Việc thiết lập mục tiêu cho cả doanh nghiệp và từng phòng, ban.

***1.2. Tài chính, kế toán***

- (1) - Việc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, chế độ báo cáo tài chính;
- (2) - Việc sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập (kiểm toán thuê ngoài);
- (3) - Khả năng bóc tách báo giá chi tiết thành từng hạng mục chi phí theo yêu cầu của bên mua;
- (4) - Việc xây dựng kế hoạch đầu tư mới và kế hoạch tài chính rõ ràng để thực hiện đầu tư.

***1.3. Hệ thống quản lý chất lượng***

- (1) - Các chứng nhận về hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001:2015, IATF 16949,...);
- (2) - Việc thiết lập, đo lường và xem xét mục tiêu chất lượng định kỳ;
- (3) - Việc theo dõi và đo lường mức độ hài lòng của khách hàng.

***1.4. Kiểm soát nhà cung cấp/nguyên vật liệu***

- (1) - Quy trình kiểm soát, đánh giá nhà cung cấp;



(2) - Quy trình kiểm tra nguyên vật liệu đầu vào hoặc quá trình thuê dịch vụ bên ngoài để hoàn thiện sản phẩm;

(3) - Khu vực cách ly vật tư không đạt chuẩn và quy trình khiếu nại nhà cung cấp.

### ***1.5. Kiểm soát quá trình***

(1) - Việc hướng dẫn công việc chi tiết cho từng quy trình;

(2) - Hệ thống các hướng dẫn công việc, tiêu chuẩn đóng gói, tiêu chuẩn sản phẩm khi cần thiết;

(3) - Việc thiết lập quy định/thủ tục để kiểm soát sản phẩm không phù hợp;

(4) - Việc điều tra, loại bỏ nguyên nhân và ngăn ngừa lỗi phát sinh.

### ***1.6. Quản lý sản xuất***

(1) - Việc xây dựng và tuân theo kế hoạch sản xuất;

(2) - Tỷ lệ giao hàng không đạt trong năm gần nhất;

(3) - Việc mất hoặc giảm đơn hàng do không đủ năng lực sản xuất.

### ***1.7. Bảo trì và quản lý thiết bị đo***

(1) - Việc bảo trì máy móc thường xuyên;

(2) - Việc hiệu chuẩn thiết bị đo;

(3) - Việc kiểm tra lại hàng hóa khi máy móc và thiết bị đo không đạt.

### ***1.8. Đào tạo nguồn nhân lực***

(1) - Quy định đào tạo/bồi dưỡng cho nhân viên;

(2) - Lộ trình đào tạo phát triển và giữ chân nhân tài;

(3) - Việc thực hiện đào tạo tại chỗ cho công nhân khi thực hiện công việc mới.

### ***1.9. Năng lực nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới***

(1) - Năng lực nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới;

(2) - Kinh nghiệm sản xuất hàng mẫu theo yêu cầu của khách hàng.

### ***1.10. Sức khoẻ, An toàn và Môi trường***

- (1) - Quy định về an toàn vệ sinh lao động;
- (2) - Việc huấn luyện an toàn tại nhà máy cho toàn thể nhân viên;
- (3) - Hệ thống xử lý chất thải theo tiêu chuẩn.

### ***1.11. Công nghệ và chuyển đổi số***

(1) Việc cải tiến, áp dụng công nghệ mới trong sản xuất hai năm gần đây và Kế hoạch và hành động cụ thể để chuyển đổi số.

## **2. Phương pháp chấm điểm và đánh giá**

### ***2.1. Thang điểm***

Mỗi tiêu chí nhỏ (câu hỏi) sẽ có 3 mức đánh giá khác nhau (3 điểm - Thực hiện đầy đủ các yêu cầu và có minh chứng, 2 điểm - Chưa thực hiện đầy đủ các yêu cầu, hoặc không có minh chứng đầy đủ, 1 - chưa thực hiện). Riêng tiêu chí tìm hiểu về công nghệ, chuyển đổi số có 2 mức đánh giá (1 - có hành động, 0 - chưa có hành động cụ thể).

Tổng điểm tối đa cho các câu hỏi thuộc 11 nhóm tiêu chí chính là 100 điểm. Dựa trên tổng điểm đạt được, mức độ sẵn sàng tham gia chuỗi giá trị của DNNVV được phân loại theo 3 nhóm:

- Loại A: Tổng điểm đánh giá đạt từ 80 điểm trở lên (tỷ lệ điểm đạt được từ 80% trở lên): Doanh nghiệp rất tiềm năng và đủ điều kiện, sẵn sàng tham gia chuỗi giá trị.
- Loại B: Tổng điểm đánh giá đạt từ 50 đến dưới 80 điểm (tỷ lệ điểm đạt được từ 50% đến dưới 80%): Doanh nghiệp có tiềm năng tham gia chuỗi giá trị.
- Loại C: Tổng điểm đánh giá đạt dưới 50 điểm trở xuống (tỷ lệ điểm đạt được dưới 50%): Doanh nghiệp cần nhiều thời gian để cải thiện và chưa phù hợp tham gia chuỗi giá trị./.